TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **16/**2019/HNGĐ – ST
Ngày: 22-4-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị Hồng L, sinh năm: 1976; địa chỉ: đường A, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Hạnh P, sinh năm 1976; địa chỉ: đường A, phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Bà L có mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thị Hồng L trình bày:

Bà L và ông P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tương Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 18/02/2003. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Bà L đã hai lần làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó rút đơn vì muốn

gìn giữ gia đình cho các con. Tuy nhiên, khi về sống chung lại tiếp tục mâu thuẫn khiến cuộc sống vợ chồng bà rất áp lực, mệt mỏi. Nay bà L nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài cuộc hôn nhân này được nữa. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà L, ông P có 02 con chung tên Trần Hồng H, sinh ngày 08/02/2004 và Trần Hải N, sinh ngày 20/5/2007. Hiện các con do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, xin rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Trần Hạnh P được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân*:* Yêu cầu của bà Dương Thị Hồng L xin ly hôn với ông Trần Hạnh P là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà L được ly hôn với ông P; Về con chung: Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng cùa con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Trần Hồng H, sinh ngày 08/02/2004 và Trần Hải N, sinh ngày 20/5/2007 cho bà L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Dương Thị Hồng L yêu cầu ly hôn với ông Trần Hạnh P; bị đơn hiện đang cư trú tại phường Long

Tâm, thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Hạnh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Hồng L và ông Trần Hạnh P tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 16, ngày 18/02/2003 của Ủy ban nhân dân phường Tương Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà L thì trong quá trình chung sống, giữa bà và ông P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai quan tâm đến ai nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông P, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà L đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông P đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà L cũng như thông báo để ông P tham gia phiên hòa giải nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của bà L về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông P không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh ông không còn quan tâm đến gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L, ông P có 02 con chung tên Trần Hồng H, sinh ngày 08/02/2004 và Trần Hải N, sinh ngày 20/5/2007. Hiện các con do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn sống cùng mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Hồng L được ly hôn với ông Trần Hạnh P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Hồng H, sinh ngày 08/02/2004 và Trần Hải N, sinh ngày 20/5/2007 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Dương Thị Hồng L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2017/0005540 ngày 29/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Bà L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục P thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND TP Bà Rịa;
-Chi cục THA DS TP Bà Rịa;
-UBND phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung